TOÀ ÁN NHÂN DÂNTP. THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 431/2024/QĐST- HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 25 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 541/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Nhữ C, sinh năm 1959

HKTT: Xóm 2, xã C, huyện TT, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1958

HKTT: Tổ 2, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 54; 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/10/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Nhữ C và Bà Trần Thị L

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Nhữ C và Bà Trần Thị L xác định không còn tình cảm, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Ông Lê Nhữ C và Bà Trần Thị L có 02 con chung là Lê Thị M, sinh ngày 24/08/1990 đã trưởng thành, có gia đình riêng và Lê Kim H, sinh ngày 04/6/1994 (chị H đã chết năm 2012). Vì vậy, Tòa án không giải quyết

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về án phí: Ông Lê Như Chỉ và bà Trần Thị L được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND tp.TN;
- UBND phường T, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân